

Số: 08/TM-BVYHCT

*“Về việc chào báo giá hóa chất, vật tư xét nghiệm,
thiết bị y tế đầu thầu sử dụng thường xuyên tại
BVYHCT tỉnh Nam Định”*

Nam Định, ngày 24 tháng 4 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện tại, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế đầu thầu sử dụng thường xuyên tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định với danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật chi tiết trong Phụ lục I đính kèm.

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam quan tâm, có khả năng cung cấp theo danh mục trên gửi bản chào giá theo mẫu đính kèm tại Phụ lục II về Bệnh viện theo thông tin sau:

1. Địa chỉ nhận báo giá:

- Địa chỉ: Số 1 - Đường Tuệ Tĩnh - P.Lộc Hạ, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định.
- Điện thoại: 0228.3648592.
- Email: bvyhctnd@gmail.com

2. Thông tin liên hệ của người tiếp nhận báo giá:

- Ông Vũ Quốc Thăng – Tổ trưởng Tổ vật tư, trang thiết bị y tế.
- Số điện thoại liên hệ: 0981.010.266

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: trước 08h30 phút ngày 05/5/2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

4. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký báo giá.

Bệnh viện xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị. 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: TVT, VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC I
(Đính kèm Thư mời số 08/TM-BVYHCT ngày 23 tháng 4 năm 2025)

I. DANH MỤC HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin direct (Trực tiếp)	ml	R1: 3x50ml R2: 3x10ml	180	Phương pháp DCA Bước sóng 546 nm (540 – 560 nm) Đường quang 1 cm Phạm vi đo từ 0,1 - 10 mg/ dL Giới hạn phát hiện thấp hơn là 0,1 mg/dL. Thành phần chính: R1: EDTA-Na2 0.1 mmol/L NaCl 150 mmol/L Sulfamic acid 100 mmol/L R2: 2,4-Dichlorophenyl-diazonium salt 0.5 mmol/L HCl: 900 mmol/L EDTA-Na2 0.13 mmol/L Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.
2	Thuốc thử xét nghiệm Bilirubin total (Toàn phần)	ml	R1: 3x65ml R2: 3x14ml	237	Phương pháp: DCA Phạm vi đo từ 0,1 - 30 mg/dL Giới hạn phát hiện thấp hơn là 0,07 mg/dL. Thành phần chính: R1: Phosphate buffer 50 mmol/L NaCl 150 mmol/L

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
					R2: 2,4-Dichlorophenyl-diazonium salt 5 mmol/L HCl 130 mmol/L Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.
3	Thuốc thử xét nghiệm Cholesterol	ml	6x65ml	390	Phương pháp: ChOD-PAP (Cholesterol oxidase/peoxidase) Phạm vi: 3-800 mg/dl (0.08-20.7 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 3 mg/dl (0,08 mmol/l) Thành phần chính: R1: Pipes buffer, pH 6.9 90 mmol/l Phenol 26 mmol/l Cholesterol oxidase 200 U/l Cholesterol esterase 300 U/l Peroxidase 1250 U/l 4-Aminoantipyrine 0.4 mmol/l R2: Cholesterol Standard 200 mg/dl (5.17mmol/l) Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.
4	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Creatinine	ml	R1: 4x66ml R2: 4x16ml	328	Phương pháp: Jaffe Phạm vi đo: 0.2 – 15 mg/dL (18 – 1330 μ mol/L) Giới hạn phát hiện thấp hơn là 0,2 mg/dL (17,7 μ mol/L) Thành phần chính: R1: Sodium hydroxide 0.2 mol/L R2: Picric acid 20 mmol/L Standard: 2 mg/dL (177 μ mol/L)

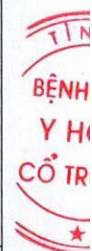
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
					Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 tương đương.
5	Thuốc thử xét nghiệm Gamma-GT	ml	R1: 2x66ml R2: 2x16ml	164	Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 3 - 280 U/l (0.05 - 4.67 μ kat/l) Giới hạn phát hiện: 3 U/l (0.05 μ kat/l) Thành phần chính: R1: Tris Glycylglycin buffer pH 8.25 100 mmol/l R2: L- γ -Glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 2.9 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.
6	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Glucose	ml	6x66ml	396	Phương pháp: GOD-PAP (Glucose oxidase/ peroxidase) Phạm vi đo: Phương pháp điểm cuối tuyến tính lên đến 400 mg /dl (22.2 mmol/l). Phương pháp động học lên đến 700 mg /dl (38.9 mmol/l). Giới hạn phát hiện: 2 mg/dl Thành phần chính: Phosphate buffer, pH 7.5 0.1 mol/l Phenol 7.5 mmol/l GOD 12000 U/l POD 660 U/l 4-Amino-antipyrine 0.40 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương.

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
7	Thuốc thử xét nghiệm GOT(AST)	ml	R1: 6x66ml R2: 6x16ml	492	Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 0.160 ở 340nm hoặc 0.080 ở 365nm Giới hạn phát hiện: 4 U/l hoặc 0.07 μkat/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Aspartate 200 mmol/l LDH 800 U/l MDH 600 U/l R2: NADH2 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 12 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
8	Thuốc thử xét nghiệm GPT(ALT)	ml	R1: 6x66ml R2: 6x16ml	492	Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: 0.160 ở 340 nm hoặc 0,080 ở 365 nm Giới hạn phát hiện: 4 U/l hoặc 0.07 μkat/l Thành phần chính: R1: Tris buffer pH 7.8 100 mmol/l L-Alanine 500 mmol/l LDH 1200 U/l R2: NADH2 0.18 mmol/l 2-Oxoglutarate 15 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
9	Thuốc thử xét nghiệm Total Protein (toàn phần)	ml	5x66ml	330	Phương pháp: Biuret Phạm vi đo: 0,2-13 g/dl (2,0-130 g/l) Giới hạn phát hiện: 0,2 g/dl hoặc 2,0 g/l Thành phần chính: Potassium iodide 30 mmol/l Potassium sodium tartrate 32 mmol/l Copper sulphate 18 mmol/l Sodium hydroxide 200 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
10	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Triglyceride	ml	6x65ml	390	Phương pháp: GPO-PAP (Glycerol phosphate oxidase/peroxidase) Phạm vi đo: 3-1000 mg/dl (0,05 - 11,4 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 3mg / dl (0,05 mmol/l) Thành phần chính: Pipes buffer pH 7.8 50 mmol/l p-Chlorophenol 2 mmol/l Lipoprotein lipase 150000 U/l Glycerolkinase 800 U/l Glycerol - 3 - P- oxidase 4000 U/l Peroxidase 440 U/l 4-Aminoantipyrine 0.7mmol/l ATP 0.3mmol/l Mg²⁺ 40 mmol/l Na-cholat 0.20 mmol/l Potassium-Hexacyanoferrat(II) 1µmol/l

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
					Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
11	Chất thử chẩn lượng Uric acid	ml	4x65ml	260	Phương pháp: Uricase-PAP Phạm vi đo: 0.2 – 20.0 mg/dl (11.9 – 1190 μmol/l) Giới hạn phát hiện: 0,2 mg/dl (11,9 μmol/l) Thành phần chính: Phosphate buffer pH 7.4 50 mmol/l DHBSA* 4 mmol/l Uricase 60 U/l POD 660 U/l 4-Aminoantipyrine 1 mmol/l Preservative * 3,5-Dichloro-2-hydroxy-benzenesulfonic acid Standard: Uric acid 6 mg/dl (356.9 μmol/l) Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
12	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Urea	ml	R1: 4x66ml R2: 4x16ml	328	Phương pháp: UV kinetic Phạm vi đo: 5-400 mg/dl (0,83 đến 66,4 mmol/l) Giới hạn phát hiện: 5 mg/dl (0,83 mmol/l) Thành phần chính: R1: TRIS buffer pH 7.8 50 mmol/l GLDH $\geq$ 0.80 U/l Urease $\geq$ 12 U/ml

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
					R2: TRIS* buffer pH 9.6 100 mmol/l 2-oxoglutarate 8.3 mmol/l NADH $\geq$ 0.23 mmol/l Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
13	Hóa chất chuẩn cho các Chất thử sinh hóa mức 3	ml	5ml	25	Huyết thanh hiệu chuẩn đông khô dựa trên huyết thanh người. Multicalibrator có thể được sử dụng để hiệu chuẩn máy phân tích sinh hóa: Total Acid Phosphatase, Non-Prostatic, Albumin, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α -Amylase, a-Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Calcium, Cholesterol total, Cholinesterase, CK-NAC, CK-MB, Creatinine, Copper, Iron, Glucose, GGT, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Magnesium, Phosphate Inorganic, Protein Total, Triglycerides, Uric Acid, Urea, Zinc. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
14	Hoá chất dùng cho máy phân tích sinh hoá ALKALINE DETERGENT	ml	2L	10.000	Thành phần chính: Alkali < 10.0% Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
15	Hoá chất dùng cho máy phân tích sinh hoá Anti Bacterial Phosphorfree Detergent	ml	500ml	2.500	Thành phần chính: Detergent < 1.0% Preservative < 10.0% Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7



STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
					Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
16	Hóa chất kiểm tra mức 2	ml	5ml	35	Vật liệu đối chứng đông khô dựa trên huyết tương người, đã được khử fibrin cho các đại lượng đo sau: Total Acid Phosphatase, Non-Prostatic Phosphatase, Albumin, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α-Amylase, a-Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin total, Bilirubin direct, Calcium, Cholesterol total, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Cholinesterase, CK-MB, CK-NAC, Copper, Creatinine, Glucose, GGT, Iron, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Magnesium, Phosphate Inorganic, Protein Total, Triglycerides, Uric Acid, Urea, Zn. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
17	Hóa chất kiểm tra mức 3	ml	5ml	35	Vật liệu đối chứng đông khô dựa trên huyết tương người, đã được khử fibrin cho các đại lượng đo sau: Non-Prostatic Phosphatase, Albumin, Alk. Phosphatase, ALT/GPT, α-Amylase, a-Amylase pancreatic, AST/GOT, Bilirubin Total, Bilirubin Direct, Calcium, Cholesterol, HDL-Cholesterol, LDL-Cholesterol, Cholinesterase, CK-MB, CK-NAC, Copper, Creatinine, Glucose, GGT, Iron, Lactate, LDH-P, LDH-L, Lipase, Magnesium, Phosphate inorganic, Protein Total, Triglycerides, Uric Acid, Urea, Zinc. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
18	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học (Isotonac)	ml	20L	200.000	Thành phần chính: Sodium chloride < 0.9% Potassium chloride < 0.06%

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
					Buffer < 0.3% Preservative < 0.1% Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
19	Thuốc thử ly giải hồng cầu	ml	500ml	1.500	Thành phần chính: Detergent < 4.0% Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
20	Hoá chất dùng cho máy phân tích huyết học (Cleanser)	ml	5L	10.000	Thành phần chính: Sodium hypochlorite < 8.0% Sodium hydrate < 2.0% Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
21	Vật liệu kiểm soát chất lượng dùng cho máy phân tích huyết học	ml	3ml	30	Thành phần chính: Máu động vật có vú khoẻ mạnh (lợn), chất bảo quản và chất ổn định tế bào. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Có ít nhất 01 chứng nhận lưu hành tự do (CFS) được các nước G7 cấp Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
22	Đầu côn vàng	Cái		1.000	Dung tích khoảng 200µl, làm từ nhựa PP, không chứa nội độc tố gây sốt, không dính nước. Phù hợp với nhiều loại pipet.
23	Đầu côn xanh	Cái		500	Dung tích khoảng 1000µl, làm từ nhựa PP, không chứa nội độc tố gây sốt, không dính nước. Phù hợp với nhiều loại pipet.



STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
24	Ống nghiệm EDTA K2 (12x75mm)	Cái		3.000	Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp xanh dương, nắp nhựa đậy kín thành ống. Hóa chất bên trong: EDTA K2.
25	Ống chống đông Heparin 12mm x 75mm	Cái		1.000	Ống được làm bằng nhựa PP, có chứa sẵn chất chống đông Lithium Heparin, có nắp màu đen. Có vạch định mức lấy mẫu
26	Phim khô y tế 8x10 inch (20x25cm)	Tờ		500	Phim khô laser cỡ 8x10 inch tương thích máy in phim khô laser Konica. Phim khô được xử lý nhiệt. Thành phần chính gồm: Polyethylene terephthalate: 85-95%, polyme: 1-10%, bạc hữu cơ: 1-10%, gelatine: 1-10%, phụ gia: 0.1-15%, bạc halogenua: 0.05-1%.
27	Giấy nhiệt K58 Khổ K58mm	Cuộn		20	Giấy in nhiệt phù hợp cho in máy sinh hóa, huyết học, nước tiểu.
28	Que thử nước tiểu 10 thông số	Hộp		4	Que thử nước tiểu 10 thông số được dùng cho máy phân tích nước tiểu. - Các thông số xét nghiệm: protein, máu, bạch cầu, nitrite, glucose, keton (axit acetoacetic), pH, trọng lượng riêng, bilirubin và urobilinogen.
29	Ống nghiệm nhựa có nắp 16x100mm	Cái		400	Ống nghiệm PP thể tích 10ml. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, có nắp đậy.
30	Cóng bệnh phẩm 16x38mm	Cái		1.000	Chất liệu nhựa PS, thể tích 2.5-3ml.
31	Dây bơm máy huyết học	Cái		1	Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm sinh hoá bán tự động tại Bệnh viện.
32	Test thử HbsAg	Test		300	Là một xét nghiệm in vitro miễn dịch định tính, đọc kết quả trực quan để phát hiện kháng nguyên về mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh, huyết tương, hoặc máu toàn phần lấy từ mao mạch, tĩnh mạch của người. • Độ nhạy: $\geq 98.4\%$ • Độ đặc hiệu: 99,6%

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Thông số kỹ thuật
					Thời gian đọc kết quả ≤ 15 phút, độ ổn định ≥ 30 phút. Không cần sử dụng dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương.
33	Mẫu nội kiểm nước tiểu	Mẫu		12	Mẫu nội kiểm nước tiểu tương thích với máy Mission U120
34	Bộ dây cáp máy điện tim 6 kênh	Bộ		1	Loại 10 cực, tương thích với máy điện tim của BTL08-Anh đang sử dụng tại Bệnh viện
35	Bộ dây cáp máy điện tim 6 cần	Bộ		1	Loại 10 cực, tương thích với máy điện tim của Nihon Kohden-Nhật Bản đang sử dụng tại Bệnh viện
36	Bộ điện cực trước ngực dùng cho máy điện tim 6 cần	Bộ		1	Bộ gồm 6 cái, tương thích với dây cáp điện tim sử dụng cho máy điện tim Nihon Kohden - Nhật Bản đang sử dụng tại Bệnh viện
37	Bộ điện cực kẹp chi dùng cho máy điện tim 6 cần	Bộ		1	Bộ gồm 4 cái, tương thích với dây cáp điện tim sử dụng cho máy điện tim Nihon Kohden - Nhật Bản đang sử dụng tại Bệnh viện
38	Bộ điện cực dùng cho máy lưu huyết não	Bộ		1	Bộ dây cáp điện cực sử dụng tương thích với máy lưu huyết não Rheoscreen compact Medis - Đức đang sử dụng tại Bệnh viện

Tổng mục: 38

II. DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Băng keo lụa 5x5 cm	Cuộn	300	Băng keo cuộn nền 100% bằng Cellulose acetate, thông thoáng, màu trắng. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Độ dính cao và dung nạp tốt cho da.
2	Bơm tiêm sử dụng một lần 5ml	Cái	60.000	Bơm tiêm nhựa liền kim, cỡ kim 25G x 1", 23G x 1". Đầu kim vát 3 cạnh giúp tiêm sắc ngọt. Pittông có khóa bẻ gãy để dễ hủy sau khi sử dụng.
3	Bơm tiêm sử dụng một lần 10ml	Cái	30.000	Bơm tiêm nhựa liền kim, cỡ kim 25G x 1", 23G x 1". Đầu kim vát 3 cạnh giúp tiêm sắc ngọt. Pittông có khóa bẻ gãy để dễ hủy sau khi sử dụng.
4	Bông y tế thấm nước	Kg	200	Thành phần: 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên. Dạng cuộn, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn, không mùi lạ, màu trắng tự nhiên, thấm hút tốt. Không có tạp chất, chỉ có sợi bông, không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh.
5	Bộ dây truyền dịch sử dụng một lần	Bộ	300	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1550\text{mm}$.
6	Găng tay chưa tiệt trùng dùng trong y tế	Đôi	1.200.000	Găng tay dùng trong thăm khám, chăm sóc, điều trị người bệnh, làm từ cao su tự nhiên, được phủ bột. Thuận cả 2 tay, nhám đầu ngón tay, cổ tay cuộn.
7	Khẩu trang y tế 3 lớp	Cái	70.000	Khẩu trang y tế 3 lớp - 2 lớp vải không dệt - 1 lớp giấy lọc kháng khuẩn - Dây đeo móc tai- Nẹp mũi nhựa hoặc kim loại Vải không dệt và giấy kháng khuẩn là loại dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi vi khuẩn hoặc.
8	Kim châm cứu các cỡ (Đường kính từ 0.16-0.45mm, chiều dài từ 13-150mm)	Cái	1.500.000	Kim châm cứu vô trùng. Thân kim làm từ thép y tế không gỉ 304 dẫn điện tốt. Đầu kim được mài sắc, đánh bóng sắc nét, không có vết nhám, rìa, gai hoặc móc.

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật
9	Kim laser nội mạch	Cái	2.000	Kim quang dẫn laser nội mạch được sử dụng 1 lần chủ yếu trong điều trị laser nội mạch.
10	Kim tiêm sử dụng một lần	Cái	3.000	Kim gồm: nắp chụp, thân kim và đốc kim. Đầu kim vát 23 cạnh giúp tiêm sắc ngọt, dùng cho tất cả các loại bơm tiêm hoặc dùng để lấy máu, lấy thuốc. Đã khử trùng.
11	Kim luồn tĩnh mạch số 22G	Cái	2.000	Kim luồn không cánh, cổng bơm thuốc bổ sung (dạng bút). Kim làm bằng thép không gỉ phủ silicon, sắc bén giúp giảm đau. Ống catheter được làm bằng PTFE. Đầu ống catheter không bị biến dạng khi truyền và trong quá trình lưu kim, sử dụng 96 giờ lưu kim. Đốc catheter được thiết kế hạn chế tối đa nhiễm khuẩn. Buồng báo máu có màng lọc thoát khí ngăn máu đi qua.
12	Bóng đèn hồng ngoại	Cái	300	Bóng đèn hồng ngoại chống cháy nổ. Phổ ánh sáng hồng ngoại cao, tiết kiệm năng lượng.
13	Đèn gù	Cái	200	Đèn gù dùng để khám bệnh, chiều cao đèn 1,7m dây nguồn 3m. Cổ định vị xoay linh động. Công suất 250w (cực đại). Đuôi đèn sử dụng nhiều loại bóng đèn. Thiết bị thân thiện với người sử dụng.
14	Giắc cắm máy điện châm	Cái	1.000	Tương thích với máy điện châm
15	Pin sử dụng cho máy điện châm	Cặp	3.000	Pin C 1.5V
16	Bộ đo huyết áp đồng hồ	Bộ	20	- Khoảng đo: 20~300mmHg với điểm giá trị bắt đầu từ 0 - Độ chính xác : ± 3mmHg - Hệ thống đo áp suất khí: Vòng bít bấp tay và túi nhựa Latex đi kèm, bầu và van dẫn khí
17	Ống nghe	Cái	20	Ống nghe tim phổi gồm: mặt nghe, tai nghe đồng thau, ống nghe chữ Y làm bằng nhựa PVC màu đen hoặc xám.
18	Gel siêu âm	Lít	2.500	Gen sử dụng trong siêu âm - Không có formaldehyde - Không gây mẫn cảm hoặc rát da - Gel trong, tan hoàn toàn trong nước

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật
				-PH: 6,5-7,5 - Màu xanh hoặc không màu, không mùi
19	Dung dịch khử khuẩn thiết bị y tế	Lít	300	2% Glutaraldehyde, pH=6 khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt. Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. Diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus và diệt Mycobacteria trong 10 phút. Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra hiệu quả dung dịch).
20	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	ml	500.000	Dùng để sát khuẩn. Thành phần chứa Clorhexidine Digluconate 0,5% và Ethanol 73%.
21	Cloramine B	Kg	25	Hàm lượng Clo hoạt động: ³ 25% Hàm lượng NaOH dư tối đa 0,8%. Hàm lượng Pb tối đa 0.02%, Hàm lượng As tối đa 0.001 mg/l.
22	Cồn 70°	Lít	600	Độ cồn 70° trong suốt, không màu, có mùi cồn đặc trưng.

Tổng mục: 22

TÊN CÔNG TY....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm 2025

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định

Trên cơ sở yêu cầu Báo giá của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định ngày.....tháng năm..... chúng tôi là[ghi rõ tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp], chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản báo giá hóa chất, vật tư xét nghiệm, vật tư thiết bị y tế như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, Model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá bao gồm thuế VAT	Thành tiền (VNĐ)
1									
2									
...									
TỔNG CỘNG:									

- Ghi chú:

1. Tổng giá trị hàng hóa trong báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác nếu có.

2. Đơn vị báo giá gửi kèm các tài liệu chứng minh về thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa.

3. Thời hạn báo giá có giá trị ngày kể từ ngày phát hành báo giá.

4. Đơn vị báo giá gửi kèm cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng lý doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng không giá.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ/NHÀ CUNG CẤP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)